ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TỊNH THỚI

CÔNG KHAI SỐ LIỆU VÀ THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ QUÍ 3 NĂM 2023

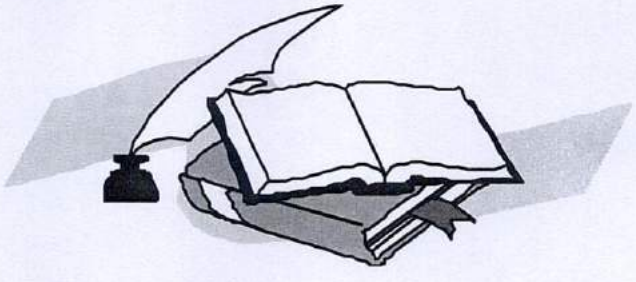

NĂM: 2023

UBND XÃ TỊNH THỚI

Biểu số : 113/CKTT-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÍ 4 NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện quý 4/ 2023	so sánh %
I	**TỔNG SỐ THU**	**10.877.500.000**	**14.684.479.909**	135
1	**Các khoản thu xã hưởng 100%**	**325.000.000**	**375.443.000**	116
2	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ**	**250.000.000**	**350.911.812**	140
3	**Thu bổ sung**	**10.102.500.000**	**11.633.432.000**	115
	- Bổ sung cân đối ngân sách	10.102.500.000	7.947.000.000	79
	- Bổ sung có mục tiêu		3.686.432.000	
4	**Thu chuyển nguồn**	**200.000.000**	**2.324.693.097**	1.162
II	**TỔNG SỐ CHI**	**10.877.500.000**	**12.977.437.370**	119
1	Chi đầu tư phát triển		848.564.000	
2	Chi thường xuyên	10.644.500.000	12.128.873.370	114
3	Dự phòng	233.000.000		0

Ngày 10 tháng 10 năm 2023

Kế toán

Võ Thị Thùy Dương

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thanh Tùng

UBND XÃ TỊNH THỚI

Biểu số : 114/CKTC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÍ 2 NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 2 NĂM 2023		SO SÁNH %	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	TỔNG THU	**11.885.500.000**	**11.885.500.000**	**14.684.479.909**	**14.684.479.909**	**124**	**124**
I	**Các khoản thu 100%**	**403.000.000**	**403.000.000**	**375.443.000**	**375.443.000**	**93**	**93**
	Phí, lệ phí	100.000.000	100.000.000	65.100.000	65.100.000	**65**	**65**
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo qui định			6.719.000	6.719.000		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo qui định						
	Đóng góp của nhân dân theo qui định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân						
	Thu khác	303.000.000	303.000.000	303.624.000	303.624.000	100	100
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**						
1	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**685.000.000**	**685.000.000**	**350.911.812**	**350.911.812**	**51**	**51**
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp	55.000.000	55.000.000	46.450.140	46.450.140	**84**	**84**
	- Lệ phí môn bài thu từ hộ cá nhân, hộ kinh doanh	30.000.000	30.000.000	35.350.000	35.350.000	**118**	**118**
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	600.000.000	600.000.000	263.703.657	263.703.657	**44**	**44**
2	Các khoản thu phân chi khác do cấp Tỉnh qui định				5.408.015		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã						
IV	**Thu chuyển nguồn**	**200.000.000**	**200.000.000**	**2.324.693.097**	**2.324.693.097**		
V	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**10.597.500.000**	**10.597.500.000**	**11.633.432.000**	**11.633.432.000**	**110**	**110**
	- Bổ sung cân đối	10.597.500.000	10.597.500.000	7.947.000.000	7.947.000.000	**75**	**75**
	- Bổ sung có mục tiêu	0		3.686.432.000	3.686.432.000		

Ngày 10 tháng 10 năm 2023

Kế toán

Võ Thị Thùy Dương

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thanh Tùng

UBND XÃ TỊNH THỚI

Biểu số : 115/CKTC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÍ 3 NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023			Ước thực hiện quý 3 NĂM 2023			So sánh %		
		Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX
	TỔNG CHI	**11.885.500.000**	**0**	**11.885.500.000**	**12.977.437.370**	**848.564.000**	**12.128.873.370**	109	**0**	102
	Trong đó	0			0	0				
1	Chi giáo dục, đào tạo	485.000.000		485.000.000	306.445.000		306.445.000	63		63
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0			0					
3	Chi Y tế	0			0					
4	Chi Văn hóa, thông tin	151.800.000		151.800.000	101.658.818		101.658.818	67		67
5	Chi Phát thanh, truyền thanh	50.000.000		50.000.000	13.351.043		13.351.043	27		27
6	Chi thể dục thể thao	60.000.000		60.000.000	33.044.000		33.044.000	55		55
7	Chi bảo vệ môi trường	55.000.000		55.000.000	17.640.000		17.640.000	32		32
8	Các khoản hoạt động kinh tế	290.000.000		290.000.000	1.634.515.000		1.634.515.000	564		564
9	Chi hoạt động QLNN, Đảng, Đoàn thể	5.497.420.000		5.497.420.000	4.529.198.009		4.529.198.009	82		82
10	Chi công tác xã hội	5.033.280.000		5.033.280.000	4.498.915.000		4.498.915.000	89		89
11	Chi khác	30.000.000		30.000.000	17.055.500		17.055.500	57		57
12	Dự phòng ngân sách	233.000.000		233.000.000	0					
13	Chi XDCB					848.564.000				
14	Chi nộp trả NS cấp trên				977.051.000	0	977.051.000			

Ngày 10 tháng 10 năm 2023

Kế toán

Võ Thị Thùy Dương

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thanh Tùng